

Bản án số: **71/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 19-7-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Trường Phát.

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thanh Hương.

2. Ông Trần Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà: Đinh Thị Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Sa R**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **As A R**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người làm chứng:* Ông **A M**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Sa R, anh As A R và ông A Ma vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sa R trình bày: trên cơ sở tự nguyện, chị và anh As A R tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10 tháng 9 năm 2013. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai.

Cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, anh As A R hay chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con. Đến nay, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục tồn tại nên chị yêu cầu được ly hôn với anh As A R.

Về con chung: chị và anh As A R có 01 con chung là cháu Ha N, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh As A R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh As A R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh As A R vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó không có lời khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự cơ bản đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: về quan hệ hôn nhân, cho chị Sa R được ly hôn với anh As A R; về con chung, giao cho chị Sa R nuôi dưỡng; tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh As A R; về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Sa R khởi kiện yêu cầu ly hôn anh As A R hiện đang cư trú tại ấp A, xã X, huyện Xuân Lộc và yêu cầu nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Sa R khởi kiện yêu cầu ly hôn anh As A R nên chị Sa R là nguyên đơn, anh As A R là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị Sa R có đơn xin xét xử vắng mặt, anh As A R đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên xét xử vắng mặt chị Sa R và anh As A R tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Sa R và anh As A R tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Sa R cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do anh As A R hay chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, nên vợ chồng thường hay cãi nhau, anh chị không còn sống chung với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh As A R nhiều lần nhưng anh As A R vẫn không có mặt để làm việc và hòa giải hàn gắn tình cảm. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy lời trình bày của chị Sa R phù hợp với nội dung của biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông A Ma là cha ruột của anh As A R vào ngày 07 tháng 6 năm 2018 về tình trạng hôn nhân của chị Sa R và anh As A R. Như vậy đã đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị Sa R và anh As A R mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, cuộc sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho chị Sa R được ly hôn với anh As A R là phù hợp.

[5] Về con chung: chị Sa R yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Ha N, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2012. Xét thấy, con của anh chị còn nhỏ, hiện đang sống cùng chị Sa R, quá trình giải quyết vụ án anh As A R không có lời khai nêu ý kiến về việc nuôi con chung khi ly hôn, vì vậy, nên giao con chung cho chị Sa R tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Sa R không yêu cầu anh As A R cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị Sa R trình bày không có nên không xem xét.

[8] Về án phí: chị Sa R phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét thấy, nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Sa R được ly hôn với anh As A R.

- Về con chung: giao cháu Ha N, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2012 cho chị Sa R trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh As A R.

Anh As A R được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, chị Sa R và anh As A R được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Sa R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 008302 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, chị Sa R đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Sa R và anh As A R được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trần Trường Phát